

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng cầu

Ngành : Xây dựng cầu đường

Năm học : 2009 - 2010

ĐVHT : 3

Hệ ĐT : Cao đẳng

Học Phần : Toán ứng dụng 2

Học Kỳ : 2

Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3371010020	Nguyễn Văn	Báu	20/10/1990	5						5.00	1.50	3.00	2.10	4	Học lại
2	3371010045	Bùi Văn	Công	10/10/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	
3	3371010065	Nguyễn Khắc	Dũ	01/10/1991	7						7.00	2.10	3.00	2.10	4	Học lại
4	3371010088	Nguyễn Khắc	Đạo	01/03/1991	3						3.00	0.90	3.00	2.10	3	
5	3371010093	Lê Đăng	Đàn	06/04/1991	7						7.00	2.10	5.00	3.50	6	
6	3371010098	Nguyễn Hữu	Đoàn	10/10/1991	7						7.00	2.10	3.00	2.10	4	
7	3371010102	Nguyễn Văn	Đông	25/02/1987	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
8	3371010107	Trần Văn	Độ	16/02/1991	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
9	3371010118	Phan Văn	Đức	27/06/1989	7						7.00	2.10	5.00	3.50	6	Học lại
10	3371010120	Lê Trường	Giang	20/01/1991	5						5.00	1.50	3.00	2.10	4	
11	3371010141	Phan Lâm	Hải	18/01/1991	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	
12	3371010186	Nguyễn Trường	Huy	30/07/1991	6						6.00	1.80	2.00	1.40	3	Học lại
13	3371010193	Đỗ Duy	Hưng	11/11/1991	8						8.00	2.40	5.00	3.50	6	
14	3371010194	Ngô Trí	Hưng	05/07/1991	10	7					8.50	2.55	1.00	0.70	3	Học lại
15	3371010202	Mai Văn	Kế	06/09/1991	10	7					8.50	2.55	5.00	3.50	6	Học lại
16	3371010210	Trương Quốc	Khiêm	28/12/1989	7						7.00	2.10	4.00	2.80	5	
17	3371010219	Lâm Mỹ	Kiều	10/05/1991	7						7.00	2.10	5.00	3.50	6	Học lại
18	3371010226	Phùng Đình	Lân	30/12/1991	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	
19	3371010248	Võ Hữu	Lộc	25/06/1991	5						5.00	1.50	2.00	1.40	3	
20	3371010253	Trần Xuân	Luận	02/10/1991	5						5.00	1.50	4.00	2.80	4	Học lại
21	3271010303	Nguyễn Văn	Lý	06/08/1990	8	6					7.00	2.10	2.00	1.40	4	Học lại

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3371010266	Trần Thanh	Minh	18/11/1991	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	
23	3371010274	Nguyễn Văn	Nam	10/06/1991	6						6.00	1.80	4.00	2.80	5	
24	3371010275	Trần Hoàng	Nam	23/01/1990	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
25	3371010281	Lê Văn	Nghiêm	01/09/1991	7						7.00	2.10	6.00	4.20	6	
26	3371010299	Hồ Bảo	Nhật	04/09/1991	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
27	3371010306	Nguyễn Thành	Nhiều	10/08/1990	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	Học lại
28	3371010318	Nguyễn Thành	Phất	10/08/1991	8	5					6.50	1.95	4.00	2.80	5	Học lại
29	3371010322	Vũ Văn	Phát	02/06/1991	7						7.00	2.10	5.00	3.50	6	
30	3371010324	Nguyễn Thanh	Phong	12/11/1991	0						0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
31	3371010325	Phạm Bảo	Phong	29/04/1991	7						7.00	2.10	6.00	4.20	6	
32	3371010327	Mang Đức	Phổ	10/02/1991	3						3.00	0.90	6.00	4.20	5	
33	3371010345	Ngô Đường	Quang	30/10/1991	7						7.00	2.10	4.00	2.80	5	
34	3371010353	Nguyễn Quốc	Quân	15/06/1991	4						4.00	1.20	4.00	2.80	4	
35	3371010355	Trần Hồng	Quân	01/07/1991	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại
36	3371010361	Nguyễn Văn	Quốc	05/02/1991	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	Học lại
37	3371010384	Nguyễn Trường	Sơn	17/02/1986	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
38	3371010386	Phạm Văn	Sơn	19/11/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	
39	3371010402	Nguyễn Ngọc	Tân	02/04/1989	6						6.00	1.80	9.00	6.30	8	
40	3371010452	Nguyễn Bảo	Thiện	10/12/1991	4						4.00	1.20	2.00	1.40	3	
41	3371010466	Huỳnh Tấn	Thịnh	20/02/1991	6						6.00	1.80	4.00	2.80	5	Học lại
42	3371010470	Phạm Bá Bảo	Thịnh	09/07/1991	8						8.00	2.40	9.00	6.30	9	
43	3371010494	Ngô Văn	Tĩnh	20/10/1991	8						8.00	2.40	2.00	1.40	4	Học lại
44	3371010501	Phạm	Trà	20/10/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	
45	3371010530	Nguyễn Xuân	Trường	20/05/1988	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
46	3371010535	Lê Anh	Tuấn	22/08/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	
47	3371010539	Nông Văn	Tuấn	01/07/1989	6						6.00	1.80	4.00	2.80	5	
48	3371010549	Nguyễn Thanh	Tùng	07/01/1991	7						7.00	2.10	1.00	0.70	3	Học lại

STT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
				L1	L2	L3	L4	L5	L6						
49	3371010563	Lê Kiến Tường	08/06/1991	5						5.00	1.50	8.00	5.60	7	Học lại
50	3371010564	Vũ Văn Tường	29/05/1990	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	

Tổng: 50.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	1	2.0
Giỏi	1	2.0
Khá	1	2.0

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	13	26.0
Trung bình	17	34.0
Không đạt	17	34.0
Miễn thi	0	0.0

Trưởng Khoa

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa